

Số: 105/2025/QĐST-HNGĐ

Bình Thạnh, ngày 03 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Luật Thi hành án dân sự; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2597/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu: Ông **Hà Đức T**, sinh năm 1978;
Địa chỉ: 66/143B Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà **Trần Thị Kiều T1**, sinh năm 1981;
Địa chỉ: 333/6 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh,
Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2025, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn C Ngocthể hiện nội dung mà các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ việc cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyền số 01/2003 ngày 10/7/2003 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Hà Đức T và bà Trần Thị Kiều T1 bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Conquer N hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tin tưởng nhau, nên đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Ông T và bà T1 xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[2] Về con chung: Theo bản chứng thực bản sao đúng với bản chính số 017169 ngày 04/12/2024 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực Giấy khai sinh số 00367, quyền số 02/2005 ngày 12/12/2005 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố H cấp cho Hà Đức T2, sinh ngày 14/10/2005 (nam); Theo bản sao giấy khai sinh số 443/2014, quyền số 03/2014 ngày 31/10/2014 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp

cho Hà Đức T3, sinh ngày 13/10/2014 (nam) đều thể hiện cha là ông Hà Đức T và mẹ là bà Trần Thị Kiều T1. Ông Hà Đức T và bà Trần Thị Kiều T1 thỏa thuận giao con chung tên Hà Đức T3 cho bà T1 là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Đức T và bà Trần Thị Kiều T1 thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37 quyển số 01/2003, ngày 10/7/2003 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Hà Đức T và bà Trần Thị Kiều T1 hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

1.2/ Về con chung: Có 02 con chung tên Hà Đức T2, sinh ngày 14/10/2005 (đã trưởng thành); Hà Đức T3, sinh ngày 13/10/2014. Ông Hà Đức T và bà Trần Thị Kiều T1 thỏa thuận giao cho bà T1 là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Hà Đức T3. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Hà Đức T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung tên Hà Đức T3. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét.

2/ Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Hà Đức T và bà Trần Thị Kiều T1 chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0054477 ngày 16/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Ông Hà Đức T và bà Trần Thị Kiều T1 đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh Thảo